Chi tiết mã HS 2710.19.89

Mã HS	2710.19.89
Mô tả hàng hóa	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải. (SEN) / - Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ loại chứa dầu diesel sinh học và trừ dầu thải: / - - Loại khác: / - - - Dầu trung khác và các chế phẩm (SEN)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	04/11/2026 07:17:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27101989/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3332
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3332
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3332
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	109/2025/UBTVQH15	2021-08-06	BT2026!CV3332
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3332
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AKFTA	0(-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
EVFTA	5,4	5,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	5,4	5,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E3327
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3288
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3288
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3288
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3288
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3288
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	15	AJ!E3326
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	15	AJ!F3326
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	15	AJ!G3326
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	15	AJ!H3326
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	15	AJ!I3326
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	15	AJ!J3326
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	15	VJ!E3330
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	15	VJ!F3330
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	15	VJ!G3330
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	15	VJ!H3330
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	15	VJ!I3330
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	15	VJ!J3330
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3330
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H3294
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F3290
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G3290
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H3290
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I3290
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J3290
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K3290
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3290
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3290
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3290
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3290
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3290
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2022	2022	*	VC!D3337
VCFTA	2023	2023	*	VC!E3337
VCFTA	2024	2024	*	VC!F3337
VCFTA	2025	2025	*	VC!G3337
VCFTA	2026	2026	*	VC!H3337
VCFTA	2027	2027	*	VC!I3337
VN-EAEU	2022	2022	7	EAV!D3334
VN-EAEU	2023	2023	7	EAV!E3334
VN-EAEU	2024	2024	7	EAV!F3334
VN-EAEU	2025	2025	7	EAV!G3334
VN-EAEU	2026	2026	7	EAV!H3334
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3334
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D3342
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E3342
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F3342
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G3342
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H3342
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I3342
EVFTA	2022	2022	10,9	EV-NK!D3313
EVFTA	2023	2023	9,5	EV-NK!E3313
EVFTA	2024	2024	8,1	EV-NK!F3313
EVFTA	2025	2025	6,8	EV-NK!G3313
EVFTA	2026	2026	5,4	EV-NK!H3313
EVFTA	2027	2027	4	EV-NK!I3313
UKVFTA	2022	2022	10,9	UKV!D3315
UKVFTA	2023	2023	9,5	UKV!E3315

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	8,1	UKV!F3315
UKVFTA	2025	2025	6,8	UKV!G3315
UKVFTA	2026	2026	5,4	UKV!H3315
UKVFTA	2027	2027	4	UKV!I3315
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	15	CPTPP!D3311
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	15	CPTPP!E3311
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	15	CPTPP!F3311
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	15	CPTPP!G3311
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	15	CPTPP!H3311
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	15	CPTPP!I3311
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	15	CPTPP!J3311
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D3334
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E3334
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F3334
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G3334
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H3334
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I3334
RCEP B	2022	2022	*	B!D3334
RCEP B	2023	2023	*	B!E3334
RCEP B	2024	2024	*	B!F3334
RCEP B	2025	2025	*	B!G3334
RCEP B	2026	2026	*	B!H3334
RCEP B	2027	2027	*	B!I3334
RCEP C	2022	2022	*	C!D3334
RCEP C	2023	2023	*	C!E3334
RCEP C	2024	2024	*	C!F3334

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	*	C!G3334
RCEP C	2026	2026	*	C!H3334
RCEP C	2027	2027	*	C!I3334
RCEP D	2022	2022	*	D!D3334
RCEP D	2023	2023	*	D!E3334
RCEP D	2024	2024	*	D!F3334
RCEP D	2025	2025	*	D!G3334
RCEP D	2026	2026	*	D!H3334
RCEP D	2027	2027	*	D!I3334
RCEP E	2022	2022	*	E!D3337
RCEP E	2023	2023	*	E!E3337
RCEP E	2024	2024	*	E!F3337
RCEP E	2025	2025	*	E!G3337
RCEP E	2026	2026	*	E!H3337
RCEP E	2027	2027	*	E!I3337
RCEP F	2022	2022	*	F!D3334
RCEP F	2023	2023	*	F!E3334
RCEP F	2024	2024	*	F!F3334
RCEP F	2025	2025	*	F!G3334
RCEP F	2026	2026	*	F!H3334
RCEP F	2027	2027	*	F!I3334
VIFTA	2024	2024	10	VI!F3075
VIFTA	2025	2025	5	VI!G3075
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3075
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3075

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	ACFTA 5%, VN-LAO 5%, EVFTA 5,4%, UKVFTA 5,4%, VN-EAEU 7%, AJCEP 15%, CPTPP 15%, VJEPA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2710.19 có 17 dòng thuế; dòng 2710.19.89 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dầu trung khác và các chế phẩm (SEN).	2710.19.20 Dầu thô đã tách phần nhẹ; 2710.19.30 Nguyên liệu để sản xuất than đen(SEN); 2710.19.41 Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn (SEN); 2710.19.42 Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay; 2710.19.44 Mỡ bôi trơn; 2710.19.45 Dầu bôi trơn cho nguyên liệu dệt(SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2710.19.89. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 2710.19.89 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3332), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.